Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
Email: vpubnd@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 22-11-2024 15:55:24 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 124 /BC-UBND	*Bắc Ninh, ngày 21 tháng 11 năm 2024*

BÁO CÁO
Về việc Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Theo quy định tại Điều 30 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/03/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN); Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập BCTCNN và Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018: Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh lập BCTCNN trình Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) và gửi Kho bạc Nhà nước (KBNN) để lập Báo cáo Tài chính nhà nước toàn quốc;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 162/TB-UBND ngày 17/10/2024 tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 10 năm 2024;

Xét đề nghị của Kho bạc nhà nước Bắc Ninh tại Tờ trình số 850/TTr-KBNN ngày 02/10/2024.

UBND tỉnh Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh năm 2023 như sau:

1. Cơ sở pháp lý và phạm vi của Báo cáo tài chính nhà nước

1.1 *Cơ sở pháp lý của Báo cáo tài chính nhà nước*

Căn cứ Điều 30, Điều 73 của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 về BCTCNN, BCTCNN được tổng hợp từ các báo cáo sau:

- Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các xã, phường, thị trấn, của Ban quản lý dự án, các đơn vị dự toán cấp I và các tổ chức là Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Tổng số các đơn vị gửi BCTCNN của tỉnh Bắc Ninh là 819 đơn vị. Trong đó có 801 đơn vị dự toán cấp I tại địa phương và 18 cơ quan quản lý.

Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị dự toán cấp I được tổng hợp từ báo cáo tài chính/báo cáo tài chính tổng hợp của các đơn vị kế toán cấp dưới (được lập theo hướng dẫn của Chế độ kế toán hiện hành). Các báo cáo này chưa được thanh tra, kiểm toán xác nhận và theo quy định tại Nghị định số 25/2017/NĐ-CP, các đơn vị cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu cung cấp cho Kho bạc Nhà nước để tổng hợp BCTCNN.

1.2. Phạm vi của Báo cáo tài chính nhà nước

Theo quy định tại Nghị định số 25/2017/NĐ-CP, BCTCNN được lập hàng năm, gồm 04 báo cáo:

- Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (Báo cáo tài sản, công nợ và nguồn vốn Nhà nước): báo cáo về tình hình tài sản của Nhà nước (tiền, phải thu, vật tư, hàng hóa đầu tư tài chính, tài sản cố định…) và các nguồn hình thành tài sản (nguồn vốn của Nhà nước, nợ Nhà nước phải trả);

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước (Báo cáo thu, chi nhà nước theo phương pháp dồn tích): Báo cáo về các khoản thu, chi phát sinh trong năm của Nhà nước, bao gồm các khoản thu chi phát sinh trong năm của NSNN và các khoản thu chi phát sinh trong năm ngoài NSNN; thặng dư/thâm hụt tài chính trong phạm vi năm tài chính;

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: báo cáo về luồng tiền thu vào và chi ra của Nhà nước trong phạm vi năm tài chính;

- Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước: trình bày các thông tin về kỳ báo cáo, đơn vị tiền tệ sử dụng để báo cáo, các chế độ kế toán hiện đang áp dụng, các nguyên tắc kế toán và thuyết minh, giải thích về các số liệu chi tiết, bổ sung cho 03 báo cáo nêu trên.

BCTCNN phản ánh thông tin tài chính nhà nước gồm tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lưu chuyển tiền tệ thuộc khu vực Nhà nước, được tổng hợp từ các thông tin tài chính sau:

- Thông tin tài chính do các cơ quan quản lý tài chính nhà nước quản lý gồm: thu, chi ngân sách nhà nước; nợ công; vốn nhà nước tại doanh nghiệp, ngân hàng và tổ chức tài chính; dự trữ nhà nước; tài sản kết cấu hạ tầng.

- Thông tin tài chính của các cơ quan nhà nước, tổ chức có sử dụng NSNN.

- Thông tin tài chính của các cơ quan, tổ chức quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- Thông tin tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, công ty cổ phần...), BCTCNN tổng hợp số vốn nhà nước (là tài sản của Nhà nước trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước) và số lợi nhuận còn lại; cổ tức, lợi nhuận được chia sau khi trích lập các quỹ của Nhà nước tại các doanh nghiệp này (là thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước).

Các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp không thuộc đối tượng tổng hợp vào BCTCNN.

2. Nội dung Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh:

2.1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước

**** Về tài sản***

Tổng tài sản của nhà nước tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 113.375 tỷ đồng, tăng 6.535 tỷ đồng so với năm 2022 chủ yếu do tăng tài sản hình thành từ mua sắm, công trình hoàn thành, kiểm kê ghi nhận bổ sung tài sản. Tài sản của Nhà nước bao gồm:

- Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình là 54.164 tỷ đồng, tăng 617 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022 do tăng tài sản hình thành từ mua sắm, công trình hoàn thành, kiểm kê ghi nhận bổ sung tài sản, đánh giá lại quyền sử dụng đất.

Trong đó, Tài sản kết cấu hạ tầng là 9.205 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 8.12% trên tổng tài sản. (cụ thể; TSKCHT các công trình nước sạch là 615 tỷ đồng; TSKCHT giao thông đường bộ là 8.590 tỷ đồng).

- Xây dựng cơ bản dở dang tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước là 28.378 tỷ đồng, tăng 1.461 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022 chủ yếu do tăng mới trong năm được hình thành từ nguồn chi xây dựng cơ bản của NSNN và nguồn khác của đơn vị.

- Đầu tư tài chính của Nhà nước là 1.769 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,56% trên tổng tài sản. Vốn nhà nước chủ yếu tập trung tại một số đơn vị sau:

Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống là 514,5 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống là 431,5 tỷ đồng; Quỹ đầu tư phát triển là: 500 tỷ đồng; Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh là 37,1 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bắc Ninh là: 25,5 tỷ đồng, Công ty cổ phần nước sạch là: 184,2 tỷ đồng …).

- Tiền và các khoản tương đương tiền là 24.283 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 21,42% trên tổng tài sản, trong đó:

+ Tiền mặt là 97,6 tỷ đồng, tăng 1,7 tỷ đồng so với năm 2022.

+ Tiền gửi tại ngân hàng là 24.185 tỷ đồng, tăng 3.389 tỷ đồng so với năm 2022.

+ Tiền đang chuyển là 0,9 tỷ đồng, giảm 5 tỷ đồng so với năm 2022.

- Các khoản phải thu của Nhà nước là 4.521 tỷ đồng, tăng 1.100 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022.

- Hàng tồn kho là 251 tỷ đồng; tăng 36 tỷ đồng với thời điểm 31/12/2022.

- Tài sản ngắn hạn khác 2,7 tỷ đồng, tăng 0,2 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022.

**** Về các khoản nợ phải trả của khu vực nhà nước***

- Nợ ngắn hạn là 41 tỷ đồng, chiếm ty trọng 2,05% trên tổng nợ phải trả (gồm các đơn vị Ban quản lý dự án Xây dựng Thành phố, Ban quản lý dự án Từ Sơn, Ban quản lý dự án xây dựng Gia Bình).

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác là 1.791 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 89,55% trên tổng nợ phải trả (bao gồm phải nhà cung cấp, nhận trước của khách hàng, tạm thu, nợ phải trả, các quỹ đặc thù của các đơn vị dự toán cấp 1 và thu của NS xã chưa hạch toán vào NSNN).

- Nợ của chính quyền địa phương là 167 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 8,35% trên tổng nợ phải trả (Trong đó: Ngân sách địa phương vay lại từ nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính Phủ).

**** Về nguồn vốn***

Tổng nguồn vốn của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2023 là 111.375 tỷ đồng, tăng 6.373 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó:

- Nguồn vốn hình thành tài sản (giá trị còn lại của tài sản cố định giao cho các đơn vị thuộc khu vực Nhà nước quản lý, sử dụng) là 44.145 tỷ đồng, chiếm 39,63% tổng nguồn vốn của Nhà nước.

- Thặng dư/Thâm hụt lũy kế (tổng số chênh lệch giữa thu nhập và chi phí của Nhà nước sau khi trích lập các quỹ như Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập…và phân phối khác theo quy định) là 64,363 tỷ đồng, chiếm 57,78% tổng nguồn vốn của Nhà nước.

- Nguồn vốn khác (các quỹ tại đơn vị HCSN, nguồn vốn kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập…) là 2.866 tỷ đồng, chiếm 2,57% tổng nguồn vốn của Nhà nước.

2.2. Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước

* Tổng thu nhập tại thời điểm 31/12/2023 là: 22.825 tỷ đồng, tăng 685 tỷ đồng so với năm 2022, trong đó:

- Doanh thu thuộc NSNN (phản ánh các khoản thu thuộc phạm vi quản lý của nhà nước trên địa bàn tỉnh) là 19.766 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 86,60% trên tổng thu nhập, bao gồm:

+ Doanh thu thuế là 15.234 tỷ đồng, giảm 56 tỷ đồng so với năm 2022

+ Doanh thu từ Phí, lệ phí là 661 tỷ đồng, giảm 201 tỷ đồng so với năm 2022

+ Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước là 11,67 tỷ đồng, giảm 2,15 tỷ đồng so với năm 2022.

+ Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại là 0,1 tỷ đồng

+ Doanh thu khác thuộc NSNN là 3.860 tỷ đồng, tăng 417 tỷ đồng so với năm 2022.

- Doanh thu không thuộc NSNN (phản ánh doanh thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ,…) là 3.059 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 13,40% trên tổng thu nhập.

* Tổng chi phí tại thời điểm 31/12/2023 là 11.489 tỷ đồng, tăng 763 tỷ đồng so với năm 2022, trong đó:

- Chi phí từ nguồn NSNN là 8.817 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 76,74% trên tổng chi phí, bao gồm:

+ Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người là 4.023 tỷ đồng, chiếm 45,62% chi phí từ nguồn NSNN

+ Chi vật tư, công cụ và dịch vụ là 463 tỷ đồng, chiếm 5,25% chi từ nguồn NSNN

+ Chi phí về hao mòn là 1.477 tỷ đồng, chiếm 16,75% chi từ nguồn NSNN

+ Chi phí tài chính là 4 tỷ đồng, chiếm 0,04% chi từ nguồn NSNN

+ Chi phí khác là 2.850 tỷ đồng, chiếm 32,32% chi từ nguồn NSNN

- Chi phí từ nguồn ngoài NSNN là 2.672 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 23.26% trên tổng chi phí.

Doanh thu thuộc NSNN và tổng chi phí không đồng nhất với khoản thu và chi NSĐP trong quyết toán NSNN năm 2023 là có sự khác nhau về cách thức lấy số liệu giữa BCTCNN và báo cáo quyết toán NSĐP, ví dụ: doanh thu thuộc NSNN được tính bao gồm các khoản thu được tiền trong năm và cả khoản nợ phát sinh trong năm cuối năm chưa thu được, nhưng thu NSĐP chỉ tính số tiền thu được trong năm đã hạch toán vào NS…; Chi NSNN cho đầu tư XDCB, mua sắm tài sản được tính bằng tổng chi trong năm, nhưng chi phí trong BCTCNN chỉ tính số khấu hao trích trong năm,…

Doanh thu và chi phí của hoạt động ngoài NSNN còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Điều này phản ánh các khoản thu chi NSNN nước vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của tỉnh; mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ…) từ khu vực nhà nước còn thấp.

2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ phản ánh tình hình tiền thu vào, tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo của Nhà nước. Lưu chuyển tiền thuần của khu vực Nhà nước trong năm 2023 là 8.359 tỷ đồng, trong đó:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu của khu vực Nhà nước (tổng số tiền thu vào trong năm 2023 sau khi trừ đi số tiền chi ra từ hoạt động chủ yếu gồm hoạt động thuế, phí và lệ phí; các khoản chi hoạt động,… ngoại trừ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính) là 5.839 tỷ đồng, giảm 4.162 tỷ đồng so với năm 2022.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư của khu vực Nhà nước (tổng số tiền chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định, tài sản dài hạn, cho vay, góp

vốn và đầu tư sau khi trừ đi số tiền thu thanh lý, nhượng bán) là 2.487 tỷ đồng, giảm 4.512 tỷ đồng so với năm 2022.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính của khu vực Nhà nước (tổng số tiền thu từ các khoản đi vay, hoạt động tài chính trong năm 2023 sau khi trừ đi số tiền hoàn trả gốc vay và hoạt động tài chính khác) là 33 tỷ đồng, tăng 25.5 tỷ đồng so với năm 2022.

2.4. Thuyết minh BCTCNN.

(Số liệu chi tiết tại các Phụ lục của Kho bạc nhà nước gửi kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách – HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính; Kho bạc nhà nước Bắc Ninh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Tân Phượng